

Số: 36 /THCSAP-TB

Củ Chi, ngày 30 tháng 01 năm 2024

THÔNG BÁO
Về việc hoàn trả học phí học kỳ 1 và tạm thu HKII
năm học 2023 – 2024

Căn cứ Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về Quy định mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2022 – 2023 và các năm học tiếp theo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị quyết số 36/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về Chính sách đặc thù hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, tiểu học, học sinh phổ thông công lập, ngoài công lập và học viên giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023 – 2024;

Căn cứ công văn số 14/SGDDT-KHTC ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 36/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố và hướng dẫn thu, sử dụng học phí năm học 2023 – 2024 của các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn Thành phố;

Trường THCS An Phú sẽ hoàn trả cho phụ huynh học sinh học phí học kỳ 1 năm học 2023 – 2024 và tạm thu học kỳ 2 năm học 2023 – 2024 theo mức thu học phí cấp THCS đã thực hiện theo Công văn 6208/SGDDT- KHTC ngày 27/10/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh và Văn bản số 10089/UBND-GDDT ngày 25/9/2023 của Ủy Ban nhân dân Huyện Củ Chi về việc hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác năm học 2023 – 2024 của cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn huyện như sau:

- Số tiền hoàn trả theo danh sách đính kèm.
- Hình thức hoàn trả: tiền mặt. (PHHS hoặc HS nhận tiền mặt tại phòng Tài vụ)
- Thời gian hoàn trả: Tất cả các ngày trong tuần. (Trừ chiều thứ 4, thứ 6).

Trường hợp phụ huynh có thắc mắc thì liên hệ trực tiếp giáo viên chủ nhiệm hoặc bộ phận tài vụ (cô Quyên – 039.682.9356).

Trân trọng/.

Nơi nhận:

- HDSP;
- Công TTĐT của trường;
- Lưu: VT.



Nguyễn Ngọc Thu

DANH SÁCH TRẢ TIỀN HỌC PHÍ HK I + HKII CHUYỂN KHOẢN NĂM HỌC 2023 - 2024

STT	Họ và tên	Lớp	HPI	HPII	TRẢ HP	Ký nhận	Ghi chú
1	Võ Anh Hào	6A		150.000	150.000		
2	Võ Tấn Sang	6A		150.000	150.000		
3	Nguyễn Lê Đăng Khôi	6A		150.000	150.000		
4	Nguyễn Thảo Vân	6A		150.000	150.000		
5	Võ Như Phúc	6A		150.000	150.000		
6	Vũ Hạnh Vân Nhi	6A		150.000	150.000		
7	Ngô Mỹ Quyên	6B	120.000	150.000	270.000		
8	Phạm Ngô Ngọc Bích	6B	120.000	150.000	270.000		
9	Huỳnh Võ Trúc Vy	6C		150.000	150.000		
10	Nguyễn Thanh Hải	6D	120.000	150.000	270.000		
11	Chu Hà Thư	6D		150.000	150.000		
12	Trần Nguyễn Tuấn Hải	6D		150.000	150.000		
13	Nguyễn Văn Hoàng Anh	6D	120.000	150.000	270.000		
14	Lê Hồng Phượng	6D	120.000		120.000		
15	Nguyễn Huy Khang	7A		150.000	150.000		
16	Võ Thanh Trà	7A		150.000	150.000		
17	Trần Song Thư	7A		150.000	150.000		
18	Nguyễn Huỳnh Bảo Ngọc	7A	120.000	150.000	270.000		
19	Hứa Văn Thanh Phong	7B		150.000	150.000		
20	Phan Anh Đức	7B	120.000	150.000	270.000		
21	Nguyễn Hoài An	7B		150.000	150.000		
22	Nguyễn Ngọc Minh Tâm	7B		150.000	150.000		
23	Trần Thanh Nhân	7B		150.000	150.000		
24	Đỗ Hồng Vân	7B		150.000	150.000		
25	Đỗ Anh Phúc	7C		150.000	150.000		
26	Nguyễn Trường Duy Bình	7C		150.000	150.000		



28	Hồ Mai Thy	7C	60.000	75.000	135.000		
29	Trịnh Thị Mộng Tuyền	7C	120.000	150.000	270.000		
30	Phạm Gia Khiêm	8A	60.000	150.000	210.000		
31	Nguyễn Tiến Thắng	8A		150.000	150.000		
32	Hồ Sỹ Trường Sơn	8A		150.000	150.000		
33	Trương Cao Thiên Vũ	8A		150.000	150.000		
34	Huỳnh Võ Minh Vy	8A		150.000	150.000		
35	Nguyễn Trọng Nhân	8A		150.000	150.000		
36	Nguyễn Trọng Khang	8A		150.000	150.000		
37	Huỳnh Nguyễn Khánh Vy	8A		150.000	150.000		
38	Dư Nguyễn Tường Lam	8A		150.000	150.000		
39	Trần Phạm Minh Trung	8A	120.000	150.000	270.000		
40	Nguyễn Đặng Bích Tuyền	8A	120.000	150.000	270.000		
41	Nguyễn Trọng Văn	8A	120.000	150.000	270.000		
42	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	8A	120.000	150.000	270.000		
43	Trần Nguyễn Tuấn Tú	8A	120.000	150.000	270.000		
44	Lê Trương Quỳnh Anh	8B		150.000	150.000		
45	Nguyễn Võ Tuấn Đạt	8B		150.000	150.000		
46	Lê Trần Đỗ Uyên	8B	60.000	75.000	135.000		
47	Chen Duyên	8B	120.000		120.000		
48	Đặng Gia Huy	8D		150.000	150.000		
49	Phan Hoàng Duy	8D		150.000	150.000		
50	Phạm Vũ Thiên Phúc	8D		150.000	150.000		
51	Huỳnh Như Ý	8D	120.000		120.000		
52	Trần Triệu Phú	8D	120.000	150.000	270.000		
53	Nguyễn Thùy Mỹ Hạnh	8D	120.000	150.000	270.000		
54	Huỳnh Lê Uyên Phương	9A		150.000	150.000		
55	Nguyễn Dương Ái My	9A		150.000	150.000		
56	Dư Nguyễn Tú Linh	9A		150.000	150.000		
57	Phan Thị Khánh Linh	9B	120.000	150.000	270.000		

59	Nguyễn Ngọc Quốc Hưng	9C	120.000	150.000	270.000		
60	Lý Thanh Thảo	9C	120.000	150.000	270.000		
61	Nguyễn Thanh Phúc	9C		150.000	150.000		
62	Phan Minh Thiện	9D	120.000	150.000	270.000		
63	Nguyễn Thanh Duy	9D		150.000	150.000		
64	Nguyễn Thị Yến Vy	9D		150.000	150.000		
65	Nguyễn Phạm Gia Khang	9D		150.000	150.000		
66	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	9D		150.000	150.000		
Cộng			2.820.000	9.300.000	12.120.000		

Ngày tháng 02 năm 2024

LẬP BẢNG

Nguyễn Thị Quyên



Nguyễn Ngọc Chi



DANH SÁCH TRẢ TIỀN HỌC PHÍ HK I CHUYỂN KHOẢN NĂM HỌC 2023 - 2024

STT	Họ và tên	Lớp	HPI	TRẢ HP HKI	Ký nhận	Ghi chú
1	Võ Anh Hào	6A	120.000	120.000		
2	Võ Tấn Sang	6A	120.000	120.000		
3	Nguyễn Lê Đăng Khôi	6A	120.000	120.000		
4	Nguyễn Thảo Vân	6A	120.000	120.000		
5	Võ Như Phúc	6A	120.000	120.000		
6	Vũ Hạnh Vân Nhi	6A	120.000	120.000		
7	Huỳnh Võ Trúc Vy	6C	120.000	120.000		
8	Chu Hà Thư	6D	120.000	120.000		
9	Trần Nguyễn Tuấn Hải	6D	120.000	120.000		
10	Nguyễn Huy Khang	7A	120.000	120.000		
11	Đinh Hoàng Anh	7A	120.000	120.000		
12	Nguyễn Vũ Phong	7A	120.000	120.000		
13	Võ Thanh Trà	7A	120.000	120.000		
14	Trần Song Thư	7A	120.000	120.000		
15	Hứa Văn Thanh Phong	7B	120.000	120.000		
16	Nguyễn Hoài An	7B	120.000	120.000		
17	Nguyễn Ngọc Minh Tâm	7B	120.000	120.000		
18	Trần Thanh Nhân	7B	120.000	120.000		
19	Lê Tấn Huy Hoàng	7B	120.000	120.000		
20	Đỗ Hồng Vân	7B	120.000	120.000		
21	Đỗ Anh Phúc	7C	120.000	120.000		
22	Nguyễn Trường Duy Bình	7C	120.000	120.000		
23	Võ Nguyễn Gia Thảo	7C	120.000	120.000		
24	Phạm Gia Khiêm	8A	60.000	60.000		
25	Nguyễn Tiến Thắng	8A	120.000	120.000		
26	Hồ Sỹ Trường Sơn	8A	120.000	120.000		

28	Huỳnh Võ Minh Vy	8A	120.000	120.000		
29	Nguyễn Trọng Nhân	8A	120.000	120.000		
30	Nguyễn Trọng Khang	8A	120.000	120.000		
31	Huỳnh Nguyễn Khánh Vy	8A	120.000	120.000		
32	Dư Nguyễn Tường Lam	8A	120.000	120.000		
33	Lê Trương Quỳnh Anh	8B	120.000	120.000		
34	Nguyễn Võ Tuấn Đạt	8B	120.000	120.000		
35	Đặng Gia Huy	8D	120.000	120.000		
36	Phan Hoàng Duy	8D	120.000	120.000		
37	Phạm Vũ Thiên Phúc	8D	120.000	120.000		
38	Huỳnh Lê Uyên Phương	9A	120.000	120.000		
39	Nguyễn Dương Ái My	9A	120.000	120.000		
40	Lê Thị Cát Tiên	9A	120.000	120.000		
41	Dư Nguyễn Tú Linh	9A	120.000	120.000		
42	Nguyễn Thanh Phúc	9C	120.000	120.000		
43	Nguyễn Thanh Duy	9D	120.000	120.000		
44	Nguyễn Thị Yến Vy	9D	120.000	120.000		
45	Nguyễn Phạm Gia Khang	9D	120.000	120.000		
46	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	9D	120.000	120.000		
47	Phan Hà Phương	9D	120.000	120.000		
Cộng			5.580.000	5.580.000		

LẬP BẢNG

Ngày tháng 02 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
AN PHU

Nguyễn Ngọc Chi

DANH SÁCH TRẢ TIỀN HỌC PHÍ HKI, HKII NĂM HỌC 2023 - 2024

STT	Họ và tên	Lớp	HPI	HPII	TRẢ HP	Ký nhận	Ghi chú
1	Hồ Ngọc Thương	6A		150.000	150.000		
2	Huỳnh Ngọc Tuyền	6A		150.000	150.000		
3	Huỳnh Phương Vy	6A		150.000	150.000		
4	Lê Hoàng Quốc Anh	6A		75.000	75.000		
5	Lê Văn Cường	6A		150.000	150.000		
6	Mai Văn An	6A		150.000	150.000		
7	Ngô Hoàng Minh	6A		150.000	150.000		
8	Nguyễn Gia Kỳ	6A		150.000	150.000		
9	Nguyễn Hoàng Hiệp	6A	120.000	150.000	270.000		
10	Nguyễn Lê Tuyết Anh	6A	120.000	150.000	270.000		
11	Nguyễn Minh Đăng	6A		150.000	150.000		
12	Võ Tấn Đạt	6A	120.000		120.000		
13	Nguyễn Minh Long	6A		150.000	150.000		
14	Nguyễn Ngọc Cát Tường	6A		150.000	150.000		
15	Nguyễn Sĩ Tấn Phát	6A		150.000	150.000		
16	Nguyễn Thanh Thảo	6A		150.000	150.000		
17	Nguyễn Trần Khánh Ngọc	6A		150.000	150.000		
18	Nguyễn Xuân Mai	6A		150.000	150.000		
19	Phạm Hoàng Tú	6A		150.000	150.000		
20	Phạm Hồ Nhật Huy	6A		150.000	150.000		
21	Phạm Thị Hoàn Mỹ	6A		150.000	150.000		
22	Phan Thị Bích Tuyền	6A		75.000	75.000		
23	Nguyễn Đăng Khoa	6A	120.000		120.000		
24	Cao Minh Huy	6B		150.000	150.000		
25	Cao Tiến Phát	6B	120.000	150.000	270.000		
26	Đặng Bảo Khang	6B	120.000	150.000	270.000		
27	Đoàn Trung Hiếu	6B		150.000	150.000		
28	Hoàng Đạo Bảo Châu	6B		150.000	150.000		
29	Lê Khánh	6B	120.000	150.000	270.000		
30	Lê Thị Tuyết Nhi	6B		150.000	150.000		



32	Nguyễn Duy Bảo	6B		150.000	150.000		
33	Nguyễn Hoài An	6B	120.000	150.000	270.000		
34	Nguyễn Hoàng Gia Long	6B		150.000	150.000		
35	Nguyễn Hoàng Ngọc Hân	6B		150.000	150.000		
36	Nguyễn Hồng Nhã Thi	6B	120.000	150.000	270.000		
37	Nguyễn Huỳnh Bảo Trân	6B	120.000	150.000	270.000		
38	Nguyễn Ngọc Trang	6B	120.000	150.000	270.000		
39	Nguyễn Thanh Nhân	6B		150.000	150.000		
40	Nguyễn Thị Huyền Trâm	6B	120.000	150.000	270.000		
41	Nguyễn Trần Mai Phương	6B		150.000	150.000		
42	Nguyễn Văn Thiên	6B	120.000	150.000	270.000		
43	Nguyễn Xuân Quỳnh Anh	6B		150.000	150.000		
44	Phạm Dương Thiện Mỹ	6B		150.000	150.000		
45	Phạm Đức Khôi	6B		150.000	150.000		
46	Phan Nguyễn Ngọc Trâm	6B	120.000	150.000	270.000		
47	Trần Nhựt Anh	6B		150.000	150.000		
48	Huỳnh Tuấn Tú	6C		150.000	150.000		
49	Nguyễn Anh Tuấn	6C		75.000	75.000		
50	Nguyễn Hà Ngọc Linh	6C		150.000	150.000		
51	Nguyễn Huỳnh Như	6C		150.000	150.000		
52	Nguyễn Minh Long	6C		150.000	150.000		
53	Nguyễn Ngọc Thu Thủy	6C	120.000	150.000	270.000		
54	Nguyễn Quốc Thiện	6C		150.000	150.000		
55	Nguyễn Thành Trung	6C		150.000	150.000		
56	Nguyễn Thị Như Huỳnh	6C		150.000	150.000		
57	Phạm Ngọc Phương Trinh	6C		150.000	150.000		
58	Từ Ngọc Hiền	6C		75.000	75.000		
59	Trần Lê Như Phúc	6C		150.000	150.000		
60	Trần Ngọc Huỳnh Như	6C		150.000	150.000		
61	Võ Hoàng Giang	6C		150.000	150.000		
62	Cao Phan Thiên Vũ	6D		150.000	150.000		
63	Hồ Ngọc Trâm Anh	6D		150.000	150.000		
64	Huỳnh Minh Thiện	6D	120.000	150.000	270.000		
65	Huỳnh Ngọc Hoa	6D		150.000	150.000		
66	Huỳnh Triệu Khang	6D	120.000	150.000	270.000		

68	Lê Thị Trà My	6D	120.000	150.000	270.000		
69	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyễn	6D		150.000	150.000		
70	Nông Thanh Long	6D	120.000	150.000	270.000		
71	Ngô Chí Dũng	6D	120.000	150.000	270.000		
72	Ngô Hoàng Vy	6D		150.000	150.000		
73	Nguyễn Gia Hải Anh	6D	120.000	150.000	270.000		
74	Nguyễn Ngọc Ngân	6D		150.000	150.000		
75	Nguyễn Phạm Thanh Ngân	6D		150.000	150.000		
76	Nguyễn Thành Nhân	6D		150.000	150.000		
77	Nguyễn Trương Hồ Xuân Bắc	6D		150.000	150.000		
78	Nguyễn Trường Sơn	6D		150.000	150.000		
79	Phạm Hồ Tuấn Tú	6D		150.000	150.000		
80	Phan Nguyễn Minh Quân	6D	120.000	150.000	270.000		
81	Trần Ngọc Hoàng Yến	6D	120.000	150.000	270.000		
82	Trần Quốc Anh	6D	120.000	150.000	270.000		
83	Trần Thị Ngọc Ý	6D		150.000	150.000		
84	Cao Hoàng Huy	7A	120.000	150.000	270.000		
85	Cao Thiên Biển	7A		150.000	150.000		
86	Đào Minh Phúc	7A	120.000	150.000	270.000		
87	Đinh Gia Phú	7A	120.000	150.000	270.000		
88	Hà Lê Như Quỳnh	7A		150.000	150.000		
89	Hồ Trung Hiếu	7A	120.000		120.000		
90	Lê Hoàng Diệp Anh	7A	120.000	150.000	270.000		
91	Lê Ngọc Linh	7A		150.000	150.000		
92	Lê Thị Hồng Trâm	7A		150.000	150.000		
93	Ngô Nhã Linh	7A		150.000	150.000		
94	Nguyễn Đăng Khôi	7A		150.000	150.000		
95	Nguyễn Minh Quang	7A		75.000	75.000		
96	Phạm Nguyễn Minh Hằng	7A		150.000	150.000		
97	Phan Lê Xuân Mai	7A		150.000	150.000		
98	Trần Thành Cao	7A		150.000	150.000		
99	Trần Thị Như Ngọc	7A		150.000	150.000		
100	Trịnh Quang Vịnh	7A	120.000		120.000		
101	Võ Đăng Khôi	7A		150.000	150.000		
102	Võ Nguyễn Lan Anh	7A	60.000	75.000	135.000		



104	Bùi Đại Vĩ	7B		150.000	150.000		
105	Cao Thị Hạnh Nguyên	7B		150.000	150.000		
106	Châu Mỹ Tuyết Liên	7B		150.000	150.000		
107	Đặng Anh Khoa	7B		150.000	150.000		
108	Đặng Thái Bình	7B	120.000	150.000	270.000		
109	Hồ Văn An	7B	120.000	150.000	270.000		
110	Lê Cao Ngọc Duyên	7B	120.000	150.000	270.000		
111	Nguyễn Bảo Anh	7B	120.000	150.000	270.000		
112	Nguyễn Thị Phương Thanh	7B		150.000	150.000		
113	Nguyễn Văn Huy	7B		150.000	150.000		
114	Phạm Duy Kha	7B	120.000	150.000	270.000		
115	Trần Diệp Nhật Thi	7B	120.000	150.000	270.000		
116	Trần Thái Vinh	7B		150.000	150.000		
117	Trần Thị Ngọc Trâm	7B		150.000	150.000		
118	Trương Khánh Linh	7B		150.000	150.000		
119	Võ Lê Trọng Khang	7B	120.000	150.000	270.000		
120	Huỳnh Lý Bảo Minh	7C		150.000	150.000		
121	Huỳnh Tuấn Phong	7C	60.000	75.000	135.000		
122	Lê Kim Sa	7C		75.000	75.000		
123	Lê Viết Anh Khoa	7C		150.000	150.000		
124	Lê Võ Khánh Trung	7C		150.000	150.000		
125	Nguyễn Gia Minh	7C		150.000	150.000		
126	Nguyễn Ngọc Kim Anh	7C		150.000	150.000		
127	Nguyễn Nhật Hào	7C		75.000	75.000		
128	Nguyễn Phạm Thảo My	7C		75.000	75.000		
129	Nguyễn Phương An	7C		150.000	150.000		
130	Phạm Minh Huy	7C		150.000	150.000		
131	Phạm Yến Nhi	7C		150.000	150.000		
132	Trần Lê Duy	7C	120.000	150.000	270.000		
133	Trần Phúc Thịnh	7C		150.000	150.000		
134	Văn Tâm Thanh	7C	120.000	150.000	270.000		
135	Võ Hoàng Gia Minh	7C	120.000	150.000	270.000		
136	Cao Huy Khang	7D		150.000	150.000		
137	Cao Quốc Kiệt	7D	120.000	150.000	270.000		
138	Châu Kim Ngân	7D		150.000	150.000		

140	Huỳnh Ngọc Như Ý	7D		150.000	150.000		
141	Huỳnh Nguyễn Mai Thanh	7D		150.000	150.000		
142	Lê Hoàng Nam	7D		150.000	150.000		
143	Lê Thị Thủy Tiên	7D		150.000	150.000		
144	Nguyễn Đức Lộc	7D		150.000	150.000		
145	Nguyễn Huỳnh Gia	7D		150.000	150.000		
146	Nguyễn Lê Bích Trâm	7D		150.000	150.000		
147	Nguyễn Lê Đức Thắng	7D		150.000	150.000		
148	Nguyễn Lê Huỳnh Mai	7D		150.000	150.000		
149	Nguyễn Lê Kỳ Duyên	7D		150.000	150.000		
150	Nguyễn Thanh Thiện	7D		150.000	150.000		
151	Nguyễn Thị Ái Vy	7D		150.000	150.000		
152	Nguyễn Thị Kiên Giang	7D		75.000	75.000		
153	Phạm Gia Bảo	7D		150.000	150.000		
154	Phạm Lê Trúc Quỳnh	7D		150.000	150.000		
155	Phạm Phú Thuận	7D		150.000	150.000		
156	Trần Tiến Đạt	7D		150.000	150.000		
157	Trần Thị Bích Phượng	7D		150.000	150.000		
158	Trần Thị Trà My	7D		150.000	150.000		
159	Trương Nguyễn Thanh Ngọc	7D		150.000	150.000		
160	Cao Hải Vân	7D	120.000	150.000	270.000		
161	Bùi Thị Trúc Quỳnh	8A		150.000	150.000		
162	Huỳnh Ngọc Nhi	8A		150.000	150.000		
163	Nguyễn Anh Đạt	8A		150.000	150.000		
164	Nguyễn Hà Nhật Huy	8A		150.000	150.000		
165	Nguyễn Lê Bảo Duy	8A		150.000	150.000		
166	Nguyễn Quốc Huy	8A		150.000	150.000		
167	Nguyễn Trâm Anh	8A		150.000	150.000		
168	Nguyễn Trường Uy	8A		150.000	150.000		
169	Phạm Ngọc Hoài Thương	8A	120.000	150.000	270.000		
170	Trang Hoa Ngọc Lan	8A	120.000	150.000	270.000		
171	Trần Lê Nguyên Khôi	8A		150.000	150.000		
172	Võ Trần Thảo Linh	8A		150.000	150.000		
173	Vũ Hoàng Minh Tân	8A		150.000	150.000		
174	Hà Quế Nguyên	8B	120.000		120.000		



176	Huỳnh Thị Trà My	8B		150.000	150.000		
177	Huỳnh Thị Triệu Vỹ	8B	120.000	150.000	270.000		
178	Huỳnh Trung Hiếu	8B	120.000	150.000	270.000		
179	Lữ Thế Khương	8B		150.000	150.000		
180	Nguyễn Đình Phong	8B	120.000	150.000	270.000		
181	Nguyễn Hoàng Thân	8B		75.000	75.000		
182	Nguyễn Lê Ngọc Như	8B		150.000	150.000		
183	Nguyễn Ngọc Thảo Như	8B	120.000		120.000		
184	Nguyễn Ngọc Anh Thư	8B		150.000	150.000		
185	Nguyễn Tuấn Kiệt	8B		150.000	150.000		
186	Phạm Nguyễn Phương Trâm	8B		150.000	150.000		
187	Trần Nguyễn Quốc Tín	8B		150.000	150.000		
188	Trần Thế Vinh	8B		150.000	150.000		
189	Trương Lê Hiền	8B		75.000	75.000		
190	Võ Thành Đạt	8B	120.000	150.000	270.000		
191	Võ Thanh Ngân	8B		150.000	150.000		
192	Lê Minh Lâm	8C	120.000	150.000	270.000		
193	Lê Ngọc Quỳnh	8C	120.000	150.000	270.000		
194	Nguyễn Anh Khoa	8C		75.000	75.000		
195	Nguyễn Trần Anh Thư	8C		150.000	150.000		
196	Phạm Tuấn Kiệt	8C		150.000	150.000		
197	Phạm Trần Chí Tâm	8C		150.000	150.000		
198	Phùng Thị Nam Phương	8C		150.000	150.000		
199	Võ Quang Thạch	8C		150.000	150.000		
200	Lê Minh Nhật	8D		150.000	150.000		
201	Lê Nguyễn Minh Hưng	8D		150.000	150.000		
202	Lê Phan Gia Kiên	8D		150.000	150.000		
203	Ngô Hoàng Long	8D		75.000	75.000		
204	Nguyễn Mai Tuyết Nhi	8D	120.000	150.000	270.000		
205	Nguyễn Ngọc Nhi	8D		150.000	150.000		
206	Phạm Minh Hào	8D		150.000	150.000		
207	Trần Đăng Khôi	8D		150.000	150.000		
208	Trần Khánh Như	8D		150.000	150.000		
209	Trần Ngọc Huỳnh Trâm	8D		150.000	150.000		
210	Trần Trọng Nghĩa	8D		150.000	150.000		

212	Võ Huỳnh Lợi	8D		150.000	150.000		
213	Võ Thị Thanh Ngân	8D		150.000	150.000		
214	Cao Thiên Bảo	9A		150.000	150.000		
215	Đinh Thị Yến Nhi	9A		150.000	150.000		
216	Huỳnh Võ Bảo Ngọc	9A		75.000	75.000		
217	Lê Gia Bảo	9A		150.000	150.000		
218	Lê Ngọc Bảo	9A		150.000	150.000		
219	Lý Huỳnh Tuyết Mai	9A		150.000	150.000		
220	Mai Sơn Hải	9A	120.000	150.000	270.000		
221	Nguyễn Lê Anh Thư	9A	60.000	75.000	135.000		
222	Nguyễn Tường Huy	9A		150.000	150.000		
223	Nguyễn Thị Phương Thùy	9A	120.000	150.000	270.000		
224	Phạm Thị Trà My	9A		150.000	150.000		
225	Võ Anh Đức	9A		75.000	75.000		
226	Võ Thị Như Quỳnh	9A		75.000	75.000		
227	Châu Thị Ngọc Thúy	9B		150.000	150.000		
228	Đỗ Phạm Sơn Trường	9B		150.000	150.000		
229	Lâm Tuấn Kiệt	9B		150.000	150.000		
230	Lê Quốc Huy	9B		150.000	150.000		
231	Lương Thị Kiều Oanh	9B		150.000	150.000		
232	Lương Thị Quỳnh Giao	9B		150.000	150.000		
233	Ngô Gia Linh	9B		150.000	150.000		
234	Ngô Quý Nhu	9B	120.000	150.000	270.000		
235	Nguyễn Ngọc Cẩm Tú	9B		150.000	150.000		
236	Nguyễn Thị Hoài Thương	9B	120.000	150.000	270.000		
237	Nguyễn Thị Minh Như	9B		150.000	150.000		
238	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	9B		75.000	75.000		
239	Cao Nguyễn Anh Thư	9B	120.000	150.000	270.000		
240	Trần Phương Quỳnh An	9C	120.000	150.000	270.000		
241	Cao Thị Quỳnh Anh	9C	120.000		120.000		
242	Đặng Tấn Phát	9C		150.000	150.000		
243	Đặng Thị Ngọc Trâm	9C		150.000	150.000		
244	Đoàn Thị Yến Linh	9C	60.000	75.000	135.000		
245	Huỳnh Gia Khang	9C		150.000	150.000		
246	Lê Ngọc Thúy An	9C	120.000	150.000	270.000		

248	Nguyễn Anh Khoa	9C	120.000	150.000	270.000		
249	Nguyễn Trần Thảo Như	9C	120.000	150.000	270.000		
250	Phạm Huỳnh Hương Dương	9C		150.000	150.000		
251	Trần Đình Phú	9C		150.000	150.000		
252	Võ Công Thành	9C	120.000	150.000	270.000		
253	Võ Lê Huyền Trân	9C		75.000	75.000		
254	Bùi Phúc Nguyên	9D	120.000	150.000	270.000		
255	Bùi Trần Thái Tuấn	9D		150.000	150.000		
256	Châu Đình Giáng Kim	9D		150.000	150.000		
257	Lê Hoàng Nam	9D		150.000	150.000		
258	Lưu Gia Bảo	9D		150.000	150.000		
259	Nguyễn Hà Ngọc Lan	9D		150.000	150.000		
260	Nguyễn Minh Lượng	9D		150.000	150.000		
261	Nguyễn Phạm Kim Thư	9D		150.000	150.000		
262	Nguyễn Tấn Phát	9D		150.000	150.000		
263	Nguyễn Thạch Diệu	9D		150.000	150.000		
264	Nguyễn Thủy Tiên	9D		150.000	150.000		
265	Phạm Hồ Tuấn Anh	9D	120.000	150.000	270.000		
266	Trần Thị Trúc Phương	9D	120.000	150.000	270.000		
267	Trương Bích Trâm	9D		75.000	75.000		
268	Võ Lê Mỹ Hào	9D	120.000	150.000	270.000		
Cộng			8.640.000	37.125.000	45.765.000		

LẬP BẢNG

Nguyễn Thị Quyên

Ngày tháng 02 năm 2024
HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
AN PHÚ
Nguyễn Ngọc Chi

DANH SÁCH TRẢ TIỀN HỌC PHÍ HK I NĂM HỌC 2023 - 2024

STT	Họ và tên	Lớp	HPI	TRẢ HP HKI	Ký nhận	Ghi chú
1	Hồ Ngọc Thương	6A	120.000	120.000		
2	Huỳnh Ngọc Tuyền	6A	120.000	120.000		
3	Huỳnh Phương Vy	6A	120.000	120.000		
4	Lê Hoàng Quốc Anh	6A	60.000	60.000		
5	Lê Văn Cường	6A	120.000	120.000		
6	Lý Võ Thành Đạt	6A	120.000	120.000		
7	Mai Văn An	6A	120.000	120.000		
8	Ngô Hoàng Minh	6A	120.000	120.000		
9	Nguyễn Gia Kỳ	6A	120.000	120.000		
10	Nguyễn Minh Đăng	6A	120.000	120.000		
11	Nguyễn Minh Long	6A	120.000	120.000		
12	Nguyễn Ngọc Cát Tường	6A	120.000	120.000		
13	Nguyễn Sĩ Tấn Phát	6A	120.000	120.000		
14	Nguyễn Thanh Thảo	6A	120.000	120.000		
15	Nguyễn Trần Khánh Ngọc	6A	120.000	120.000		
16	Nguyễn Xuân Mai	6A	120.000	120.000		
17	Phạm Hoàng Tú	6A	120.000	120.000		
18	Phạm Hồ Nhật Huy	6A	120.000	120.000		
19	Phạm Thị Hoàn Mỹ	6A	120.000	120.000		
20	Phan Thị Bích Tuyền	6A	60.000	60.000		
21	Cao Minh Huy	6B	120.000	120.000		
22	Đoàn Trung Hiếu	6B	120.000	120.000		
23	Hoàng Đạo Bảo Châu	6B	120.000	120.000		
24	Lê Thị Tuyết Nhi	6B	120.000	120.000		
25	Nguyễn Duy Bảo	6B	120.000	120.000		
26	Nguyễn Hoàng Gia Long	6B	120.000	120.000		
27	Nguyễn Hoàng Ngọc Hân	6B	120.000	120.000		
28	Nguyễn Mai Như Ngọc	6B	120.000	120.000		
29	Nguyễn Thanh Nhân	6B	120.000	120.000		
30	Nguyễn Trần Mai Phương	6B	120.000	120.000		
31	Nguyễn Xuân Quỳnh Anh	6B	120.000	120.000		
32	Phạm Dương Thiện Mỹ	6B	120.000	120.000		
33	Phạm Đức Khôi	6B	120.000	120.000		
34	Trần Nhật Anh	6B	120.000	120.000		
35	Huỳnh Tuấn Tú	6C	120.000	120.000		
36	Nguyễn Anh Tuấn	6C	60.000	60.000		
37	Nguyễn Hà Ngọc Linh	6C	120.000	120.000		



39	Nguyễn Minh Long	6C	120.000	120.000		
40	Nguyễn Quốc Thiện	6C	120.000	120.000		
41	Nguyễn Thành Trung	6C	120.000	120.000		
42	Nguyễn Thị Như Huỳnh	6C	120.000	120.000		
43	Phạm Ngọc Phương Trinh	6C	120.000	120.000		
44	Phạm Tuấn Ngọc	6C	120.000	120.000		
45	Từ Ngọc Hiền	6C	60.000	60.000		
46	Trần Lê Như Phúc	6C	120.000	120.000		
47	Trần Ngọc Huỳnh Như	6C	120.000	120.000		
48	Võ Hoàng Giang	6C	120.000	120.000		
49	Cao Phan Thiên Vũ	6D	120.000	120.000		
50	Hồ Ngọc Trâm Anh	6D	120.000	120.000		
51	Huỳnh Ngọc Hoa	6D	120.000	120.000		
52	Huỳnh Võ Bảo Châu	6D	60.000	60.000		
53	Nguyễn	6D	120.000	120.000		
54	Ngô Hoàng Vy	6D	120.000	120.000		
55	Nguyễn Đoàn Minh Quân	6A	120.000	120.000		
56	Nguyễn Ngọc Ngân	6D	120.000	120.000		
57	Nguyễn Phạm Thanh Ngân	6D	120.000	120.000		
58	Nguyễn Thành Nhân	6D	120.000	120.000		
59	Bắc	6D	120.000	120.000		
60	Nguyễn Trường Sơn	6D	120.000	120.000		
61	Phạm Hồ Tuấn Tú	6D	120.000	120.000		
62	Trần Thị Ngọc Ý	6D	120.000	120.000		
63	Cao Thiên Biển	7A	120.000	120.000		
64	Hà Lê Như Quỳnh	7A	120.000	120.000		
65	Lê Ngọc Linh	7A	120.000	120.000		
66	Lê Thị Hồng Trâm	7A	120.000	120.000		
67	Ngô Nhã Linh	7A	120.000	120.000		
68	Nguyễn Đăng Khôi	7A	120.000	120.000		
69	Nguyễn Minh Quang	7A	60.000	60.000		
70	Phạm Nguyễn Minh Hằng	7A	120.000	120.000		
71	Phan Lê Xuân Mai	7A	120.000	120.000		
72	Phan Thị Ngọc Trang	7A	60.000	60.000		
73	Trần Thành Cao	7A	120.000	120.000		
74	Trần Thị Như Ngọc	7A	120.000	120.000		
75	Võ Đăng Khôi	7A	120.000	120.000		
76	Võ Phương Thảo	7A	120.000	120.000		
77	Bùi Đại Vĩ	7B	120.000	120.000		
78	Cao Quỳnh Sơn Ca	7B	120.000	120.000		
79	Cao Thị Hạnh Nguyên	7B	120.000	120.000		
80	Châu Mỹ Tuyết Liên	7B	120.000	120.000		
81	Đặng Anh Khoa	7B	120.000	120.000		
82	Lê Nguyễn Hồng Mai	7B	120.000	120.000		

84	Nguyễn Văn Huy	7B	120.000	120.000		
85	Phạm Mai Vân	7B	120.000	120.000		
86	Trần Thái Vinh	7B	120.000	120.000		
87	Trần Thị Ngọc Trâm	7B	120.000	120.000		
88	Trương Khánh Linh	7B	120.000	120.000		
89	Huỳnh Lý Bảo Minh	7C	120.000	120.000		
90	Lê Kim Sa	7C	60.000	60.000		
91	Lê Viết Anh Khoa	7C	120.000	120.000		
92	Lê Võ Khánh Trung	7C	120.000	120.000		
93	Nguyễn Gia Minh	7C	120.000	120.000		
94	Nguyễn Ngọc Kim Anh	7C	120.000	120.000		
95	Nguyễn Nhật Hào	7C	60.000	60.000		
96	Nguyễn Phạm Thảo My	7C	60.000	60.000		
97	Nguyễn Phương An	7C	120.000	120.000		
98	Phạm Minh Huy	7C	120.000	120.000		
99	Phạm Thị Ngọc Hà	7C	120.000	120.000		
100	Phạm Yến Nhi	7C	120.000	120.000		
101	Trần Phúc Thịnh	7C	120.000	120.000		
102	Cao Huy Khang	7D	120.000	120.000		
103	Châu Kim Ngân	7D	120.000	120.000		
104	Đỗ Phạm Cẩm Giang	7D	120.000	120.000		
105	Huỳnh Ngọc Như Ý	7D	120.000	120.000		
106	Huỳnh Nguyễn Mai Thanh	7D	120.000	120.000		
107	Lê Hoàng Nam	7D	120.000	120.000		
108	Lê Thị Thủy Tiên	7D	120.000	120.000		
109	Nguyễn Đức Lộc	7D	120.000	120.000		
110	Nguyễn Huỳnh Gia	7D	120.000	120.000		
111	Nguyễn Lê Bích Trâm	7D	120.000	120.000		
112	Nguyễn Lê Đức Thắng	7D	120.000	120.000		
113	Nguyễn Lê Huỳnh Mai	7D	120.000	120.000		
114	Nguyễn Lê Kỳ Duyên	7D	120.000	120.000		
115	Nguyễn Thanh Thiện	7D	120.000	120.000		
116	Nguyễn Thị Ái Vy	7D	120.000	120.000		
117	Nguyễn Thị Kiên Giang	7D	60.000	60.000		
118	Phạm Gia Bảo	7D	120.000	120.000		
119	Phạm Lê Trúc Quỳnh	7D	120.000	120.000		
120	Phạm Phú Thuận	7D	120.000	120.000		
121	Trần Tiến Đạt	7D	120.000	120.000		
122	Trần Thị Bích Phượng	7D	120.000	120.000		
123	Trần Thị Trà My	7D	120.000	120.000		
124	Ngọc	7D	120.000	120.000		
125	Bùi Thị Trúc Quỳnh	8A	120.000	120.000		
126	Huỳnh Ngọc Nhi	8A	120.000	120.000		
127	Nguyễn Anh Đạt	8A	120.000	120.000		



129	Nguyễn Lê Bảo Duy	8A	120.000	120.000		
130	Nguyễn Quốc Huy	8A	120.000	120.000		
131	Nguyễn Thị Tường Vy	8A	120.000	120.000		
132	Nguyễn Trâm Anh	8A	120.000	120.000		
133	Nguyễn Trường Uy	8A	120.000	120.000		
134	Trần Lê Nguyên Khôi	8A	120.000	120.000		
135	Võ Trần Thảo Linh	8A	120.000	120.000		
136	Vũ Hoàng Minh Tân	8A	120.000	120.000		
137	Huỳnh Phan Ngọc Trân	8B	60.000	60.000		
138	Huỳnh Thị Trà My	8B	120.000	120.000		
139	Lữ Thế Khương	8B	120.000	120.000		
140	Nguyễn Hoàng Thân	8B	60.000	60.000		
141	Nguyễn Lê Ngọc Như	8B	120.000	120.000		
142	Nguyễn Ngọc Anh Thư	8B	120.000	120.000		
143	Nguyễn Tuấn Kiệt	8B	120.000	120.000		
144	Trâm	8B	120.000	120.000		
145	Trần Nguyễn Quốc Tín	8B	120.000	120.000		
146	Trần Thế Vinh	8B	120.000	120.000		
147	Trương Lê Hiền	8B	60.000	60.000		
148	Võ Thanh Ngân	8B	120.000	120.000		
149	Nguyễn Anh Khoa	8C	60.000	60.000		
150	Nguyễn Trần Anh Thư	8C	120.000	120.000		
151	Phạm Anh Khoa	8C	120.000	120.000		
152	Phạm Tuấn Kiệt	8C	120.000	120.000		
153	Phạm Trần Chí Tâm	8C	120.000	120.000		
154	Phùng Thị Nam Phương	8C	120.000	120.000		
155	Võ Quang Thạch	8C	120.000	120.000		
156	Lê Minh Nhật	8D	120.000	120.000		
157	Lê Nguyễn Minh Hưng	8D	120.000	120.000		
158	Lê Phan Gia Kiên	8D	120.000	120.000		
159	Ngô Hoàng Long	8D	60.000	60.000		
160	Nguyễn Ngọc Nhi	8D	120.000	120.000		
161	Phạm Minh Hào	8D	120.000	120.000		
162	Trần Đăng Khôi	8D	120.000	120.000		
163	Trần Khánh Như	8D	120.000	120.000		
164	Trần Ngọc Huỳnh Trâm	8D	120.000	120.000		
165	Trần Trọng Nghĩa	8D	120.000	120.000		
166	Trương Ánh Linh	8D	120.000	120.000		
167	Võ Huỳnh Lợi	8D	120.000	120.000		
168	Võ Thị Thanh Ngân	8D	120.000	120.000		
169	Cao Thiên Bảo	9A	120.000	120.000		
170	Đinh Thị Yến Nhi	9A	120.000	120.000		
171	Huỳnh Võ Bảo Ngọc	9A	60.000	60.000		
172	Lê Gia Bảo	9A	120.000	120.000		

174	Lý Huỳnh Tuyết Mai	9A	120.000	120.000		
175	Nguyễn Tường Huy	9A	120.000	120.000		
176	Phạm Thị Trà My	9A	120.000	120.000		
177	Võ Anh Đức	9A	60.000	60.000		
178	Võ Thị Như Quỳnh	9A	60.000	60.000		
179	Châu Thị Ngọc Thúy	9B	120.000	120.000		
180	Đỗ Phạm Sơn Trường	9B	120.000	120.000		
181	Lâm Tuấn Kiệt	9B	120.000	120.000		
182	Lê Nguyễn Hồng Phúc	9B	120.000	120.000		
183	Lê Quốc Huy	9B	120.000	120.000		
184	Lê Thanh Lâm	9B	120.000	120.000		
185	Lương Thị Kiều Oanh	9B	120.000	120.000		
186	Lương Thị Quỳnh Giao	9B	120.000	120.000		
187	Ngô Gia Linh	9B	120.000	120.000		
188	Nguyễn Ngọc Cẩm Tú	9B	120.000	120.000		
189	Nguyễn Thị Minh Như	9B	120.000	120.000		
190	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	9B	60.000	60.000		
191	Đặng Tấn Phát	9C	120.000	120.000		
192	Đặng Thị Ngọc Trâm	9C	120.000	120.000		
193	Huỳnh Gia Khang	9C	120.000	120.000		
194	Nguyễn Thị Phương Anh	9C	120.000	120.000		
195	Nguyễn Trần Quỳnh Như	9C	120.000	120.000		
196	Dương	9C	120.000	120.000		
197	Phạm Quỳnh Như	9C	120.000	120.000		
198	Trần Đình Phú	9C	120.000	120.000		
199	Võ Lê Huyền Trân	9C	60.000	60.000		
200	Bùi Trần Thái Tuấn	9D	120.000	120.000		
201	Châu Đình Giáng Kim	9D	120.000	120.000		
202	Lê Hoàng Nam	9D	120.000	120.000		
203	Lưu Gia Bảo	9D	120.000	120.000		
204	Nguyễn Hà Ngọc Lan	9D	120.000	120.000		
205	Nguyễn Minh Lượng	9D	120.000	120.000		
206	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	9D	120.000	120.000		
207	Nguyễn Phạm Kim Thu	9D	120.000	120.000		
208	Nguyễn Tấn Phát	9D	120.000	120.000		
209	Nguyễn Thạch Diệu	9D	120.000	120.000		
210	Nguyễn Thủy Tiên	9D	120.000	120.000		
211	Trương Bích Trâm	9D	60.000	60.000		
Cộng			24.000.000	24.000.000		

LẬP BẢNG

Ngày tháng 02 năm 2024

